

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 01/L-CTN ngày 05/01/1999 về việc công bố Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính; Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

**CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

1- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính;

2- Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, thông qua ngày 25 tháng 12 năm 1998./.

**Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

PHÁP LỆNH về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

(số 09/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998).

Để phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng dân cư, nâng cao kết quả giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân ở cơ sở, góp phần phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, giảm bớt các vụ, việc phải xét xử tại Tòa án;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ hai về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1998;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Hòa giải**

Hòa giải ở cơ sở là việc hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

Điều 2. Hình thức hòa giải

Hòa giải ở cơ sở được thực hiện thông qua hoạt động của Tổ hòa giải hoặc các tổ chức thích hợp khác của nhân dân ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân.

Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích hoạt động hòa giải, các hình thức hòa giải ở cộng đồng dân cư.

Điều 3. Phạm vi hòa giải

1. Việc hòa giải được tiến hành đối với những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư, bao gồm:

- a) Mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân với nhau;
- b) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình;
- c) Những việc vi phạm pháp luật khác mà theo quy định của pháp luật chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính.

2. Các vụ, việc sau đây không hòa giải:

- a) Tội phạm hình sự, trừ trường hợp mà người bị hại không yêu cầu xử lý về hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành chính theo quy định của pháp luật;
- b) Hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính;
- c) Vi phạm pháp luật và các tranh chấp mà theo quy định của pháp luật thì không được hòa giải.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc hòa giải để trốn tránh xử lý bằng biện pháp hình sự, hành chính.

Điều 4. Nguyên tắc hòa giải

Việc hòa giải được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- 1. Phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân;
- 2. Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên tranh chấp phải tiến hành hòa giải;
- 3. Khách quan, công minh, có lý, có tình; giữ bí

mật thông tin đời tư của các bên tranh chấp; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;

4. Kịp thời, chủ động, kiên trì nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật, hạn chế những hậu quả xấu khác có thể xảy ra và đạt được kết quả hòa giải.

Điều 5. Vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong công tác hòa giải

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước hữu quan, động viên nhân dân trong việc xây dựng, củng cố Tổ hòa giải và các tổ chức hòa giải khác của nhân dân trong cộng đồng dân cư; giúp đỡ, tạo điều kiện cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; tham gia hòa giải theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản lý nhà nước về công tác hòa giải

1. Nội dung quản lý nhà nước về công tác hòa giải bao gồm:

- a) Ban hành văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải;
- b) Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động hòa giải;
- c) Tổ chức bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hòa giải cho người làm công tác hòa giải;
- d) Sơ kết, tổng kết công tác hòa giải.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác hòa giải trong phạm vi cả nước.

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở; chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở địa phương.

*Chương II***TỔ HÒA GIẢI VÀ TỔ VIÊN TỔ HÒA GIẢI****Điều 7. Tổ hòa giải**

1. Tổ hòa giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hòa giải những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Tổ hòa giải có tổ trưởng và các tổ viên do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận lựa chọn, giới thiệu để nhân dân bầu và do Ủy ban nhân dân cùng cấp công nhận.

Chính phủ quy định chi tiết thủ tục bầu, miễn nhiệm tổ trưởng và tổ viên Tổ hòa giải.

Điều 8. Tổ trưởng Tổ hòa giải

1. Tổ trưởng Tổ hòa giải là người phụ trách Tổ hòa giải, đồng thời tham gia hoạt động hòa giải với tư cách tổ viên.

2. Tổ trưởng Tổ hòa giải có các nhiệm vụ sau đây:

a) Phân công, điều hòa, phối hợp hoạt động của các tổ viên Tổ hòa giải; phối hợp hoạt động với Tổ hòa giải khác khi xét thấy cần thiết;

b) Tổ chức rút kinh nghiệm về công tác hòa giải;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn về công tác hòa giải.

Điều 9. Tiêu chuẩn của tổ viên Tổ hòa giải

Tổ viên Tổ hòa giải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có uy tín trong nhân dân;

2. Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật;

3. Tự nguyện tham gia tổ chức hòa giải, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác hòa giải.

*Chương III***HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI****Điều 10. Tiến hành việc hòa giải**

Việc hòa giải được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ viên Tổ hòa giải chủ động hòa giải hoặc tổ chức việc hòa giải theo sáng kiến của mình;

2. Theo sáng kiến của tổ trưởng Tổ hòa giải;

3. Theo đề nghị của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác;

4. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên tranh chấp.

Điều 11. Người tiến hành hòa giải

Việc hòa giải có thể do một hoặc một số tổ viên Tổ hòa giải tiến hành. Trong trường hợp cần thiết, tổ viên Tổ hòa giải có thể mời người ngoài Tổ hòa giải cùng tham gia hòa giải.

Điều 12. Hòa giải tranh chấp mà các đương sự ở các cụm dân cư khác nhau

Trong trường hợp các bên tranh chấp ở các cụm dân cư có các Tổ hòa giải khác nhau, thì các Tổ hòa giải đó phối hợp để thực hiện việc hòa giải.

Điều 13. Phương thức hòa giải

Việc hòa giải được tiến hành theo phương thức sau đây:

1. Bằng lời nói;

2. Trong trường hợp các bên có yêu cầu hoặc được các bên đồng ý, việc hòa giải được tổ viên Tổ hòa giải lập biên bản;

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, tổ viên Tổ hòa

giải có thể tiến hành việc hòa giải bằng cách gặp gỡ từng bên hoặc các bên;

4. Sau khi tìm hiểu sự việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tham khảo ý kiến của cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan, lắng nghe ý kiến của các bên, tổ viên Tổ hòa giải phân tích, thuyết phục các bên đạt được thỏa thuận phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

Điều 14. Kết thúc việc hòa giải

Việc hòa giải được kết thúc khi các bên đã đạt được thỏa thuận và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

Tổ viên Tổ hòa giải động viên, thuyết phục các bên thực hiện thỏa thuận.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Khen thưởng

1. Tổ hòa giải và tổ viên Tổ hòa giải có thành tích trong công tác hòa giải thì được khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, củng cố tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức hòa giải ở cơ sở, tích cực tham gia hòa giải thì được khen thưởng.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Người nào có hành vi vi phạm Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật về hòa giải ở cơ sở, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Phạm vi áp dụng

1. Pháp lệnh này áp dụng đối với việc tổ chức và hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở.

Đối với những Tổ hòa giải ở cơ sở đã được thành lập trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thì căn cứ vào các quy định của Pháp lệnh này để kiện toàn tổ chức và phát huy vai trò trong hoạt động hòa giải.

2. Các quy định của Pháp lệnh này được áp dụng đối với hoạt động hòa giải của các tổ chức thích hợp khác của nhân dân trong cộng đồng dân cư ở cơ sở.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 19. Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh

Chính phủ phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

PHÁP LỆNH sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính

(số 10/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998).

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa X;